

Hoạt động kiểm tra, kiểm soát và kiểm toán nội bộ trong các ngân hàng thương mại của Việt Nam

 TS. Nguyễn Văn Hậu*

Việc tìm hiểu nghiên cứu để nhận thức một cách đúng đắn bản chất các hoạt động kiểm tra, kiểm toán, kiểm soát trong các tổ chức tín dụng nói chung và ngân hàng thương mại (NHTM) nói riêng, trong điều kiện cạnh tranh khốc liệt của kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Vì vậy, các NHTM cần phải tăng cường hoạt động kiểm soát nội bộ (KSNB), để đảm bảo điều hành hoạt động ngân hàng an toàn và hiệu quả. Bài viết đề cập đến hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ (KTKSNB) và kiểm toán nội bộ (KTNB) trong các NHTM Việt Nam: Những công việc đã thực hiện, những công việc chưa thực hiện và những hạn chế của hệ thống KTKSNB và KTNB trong các NHTM của Việt Nam hiện nay.

Thứ nhất, những công việc chủ yếu đã được thực hiện, bởi hệ thống KTKSNB và KTNB trong NHTM của Việt Nam.

Từ kết quả khảo sát (bảng 1, trang 53) cho thấy:

- Ngay tại hệ thống KTKSNB, công tác kiểm tra có sự trùng lặp (một hồ sơ/đơn vị đã được KTKSNB chi nhánh kiểm tra, KTKSNB Hội sở kiểm tra lại trên cùng nội dung/hồ sơ nghiệp vụ).

- Phạm vi công việc kiểm tra tính tuân thủ của KTKSNB, không xác định cụ thể giới hạn kiểm tra (chỉ nêu chung chung là kiểm tra tính tuân thủ,... chưa chỉ ra phạm vi tính tuân thủ đến đâu, cụ thể chưa kiểm tra được chất lượng hồ sơ thẩm định, chưa phân tích thông tin khách hàng,

phân tích báo cáo tài chính (BCTC) của khách hàng để chỉ ra những rủi ro tín dụng, đầu tư,...). Bên cạnh đó, việc tổ chức ghi chép và lưu kết quả kiểm tra chưa thống nhất, nên đoàn kiểm tra sau gần như không sử dụng và không biết phạm vi giới hạn kiểm tra trước một cách rõ ràng, nên người kiểm tra sau kiểm tra trùng công việc người kiểm tra trước.

- Công việc kiểm tra trực tiếp và công tác giám sát hoạt động các chi nhánh của Ban KTKSNB và KTNB có sự trùng lặp về kiểm tra tính tuân thủ: KTKSNB đã kiểm tra, kiểm toán kiểm tra lại.

- KTNB thực hiện công tác kiểm toán trực tiếp khá ít, phần lớn ngồi tại Hội sở soát xét thẩm định thông tin. Trong khi đó, hệ thống thông tin phục vụ cho công việc bị hạn chế, nhân lực yếu, kinh nghiệm và trang thiết bị còn hạn chế, tính độc lập trong nghề nghiệp chưa cao. Do đó, báo cáo giám sát còn sơ sài chưa đảm bảo chất lượng.

- Công việc kiểm tra còn trùng lặp, điều này khẳng định cán bộ KTKSNB đã không tin tưởng kết quả kiểm tra của nhau, nên phải tăng cường kiểm tra ít nhất là hai vòng, làm như vậy khối lượng công việc tăng gấp đôi. Vấn đề còn tồn tại ở chỗ nào? Tại sao lại phải làm quá nhiều lần như vậy? Tốn kém, không hiệu quả và không giải quyết dứt điểm được tồn tại mà tạo thói quen ỷ lại, việc tiếp quá nhiều đoàn kiểm tra khiến cán bộ nghiệp vụ chán ngán, dị ứng với các đoàn kiểm tra,...

Thứ hai, nội dung công việc còn chưa thực hiện của hệ thống KTKSNB và KTNB:

- KTKSNB kiểm toán tính tuân thủ chưa đầy đủ, chưa kiểm tra đánh giá được chất lượng các báo cáo thẩm định, chưa phân tích được BCTC của khách hàng, để có thể cảnh báo rủi ro đối với hoạt động tín dụng và đầu tư.

- Chưa kiểm tra, phát hiện và cảnh báo kịp thời các rủi ro tác nghiệp, rủi ro hoạt động qua quá trình kiểm tra.

- Chưa nâng cao được chất lượng kiểm tra, kiểm soát cho đội ngũ cán bộ KTKSNB tại các chi nhánh.

- Chưa đánh giá và chỉ ra những rủi ro có tính hệ thống như nhận thức về tự kiểm tra, kiểm soát tại các đơn vị còn hạn chế (môi trường kiểm soát yếu), tư vấn cho Ban lãnh đạo ngân hàng điều chỉnh quy chế hoạt động, nâng cao trách nhiệm tự kiểm tra tại mỗi đơn vị.

- Chưa đánh giá tổng thể các rủi ro và hiệu quả của các hoạt động nghiệp vụ.

- Việc kiến nghị các biện pháp sửa chữa, khắc phục sai sót, kiến nghị xử lý những vi phạm, đề xuất các biện pháp. Nhằm hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm tra, KSNB chưa có hiệu lực.

- Chưa tổ chức phát triển phạm vi hoạt động và chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện phương pháp kiểm toán nội bộ và phạm vi hoạt động của kiểm toán nội bộ để có thể cập nhật, theo kịp sự phát triển hoạt động của ngân hàng.

* Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

- Chưa lập kế hoạch đào tạo một cách liên tục, nhằm nâng cao và đảm bảo năng lực chuyên môn cho kiểm toán viên (KTV) nội bộ, xây dựng chương trình đánh giá và tuyển dụng, để bạt, luân chuyển cán bộ và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.

- Chưa duy trì việc tham vấn, trao đổi thường xuyên với tổ chức kiểm toán nội bộ tập đoàn, kiểm toán độc lập, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước (NHNN) nhằm đảm bảo hợp tác có hiệu quả.

- Chưa tư vấn cho Hội đồng quản trị (HDQT), Tổng Giám đốc (TGD) và các bộ phận nghiệp vụ thực hiện các dự án xây dựng, áp dụng mới hay sửa đổi những quy trình nghiệp vụ quan trọng, cơ chế quản trị, điều hành, quy trình nhận dạng, đo lường đánh giá rủi ro, quản lý rủi ro, phương pháp đánh giá vốn, hệ thống thông tin, hạch toán kế toán, thực hiện các nghiệp vụ, sản phẩm mới.

- Chưa xây dựng được hệ thống kênh thông tin phục vụ cho công tác giám sát và kiểm toán của ban kiểm soát và KTNB.

- Chưa xây dựng được mẫu báo cáo, mô hình và phương pháp đánh giá toàn diện hoạt động của ngân hàng.

- Chưa xây dựng được sổ tay, chương trình, hướng dẫn kiểm toán các hoạt động tại các ngân hàng cho KTV thực hiện.

Thứ ba, những hạn chế của hệ thống KTKSNB& KTNB:

Ủy ban Basel đã nghiên cứu những khó khăn gần đây của các tổ chức tín dụng (TCTD) mà điển hình là các NHTM, nhằm mục tiêu xác định được nguồn gốc chủ yếu đối với những khiếm khuyết của hệ thống KSNB. Một số trường hợp, đặc biệt đã chỉ ra rằng, một hệ thống KSNB không đầy đủ và hiệu quả, có thể gây ra những tổn thất to lớn cho các TCTD. Những sai lầm điển hình của hệ thống KSNB, đã gây ra những khó khăn, tổn thất cho TCTD thường được phân thành các loại gồm:

- Thiếu sự giám sát thường xuyên, phân định trách nhiệm và một nền văn hoá kiểm soát (internat control system) lành mạnh. Các trường hợp tổn thất chủ yếu trong các TCTD, đều phản ánh sự thiếu tập trung hay buông lỏng trong điều hành, thiếu sự chỉ đạo và giám sát của ban kiểm soát (BKS), HDQT và ban điều hành (BDH), hay thiếu sự phân định rõ ràng về trách nhiệm và chức năng quản lý. Những trường hợp điển hình này, đều đặt ra yêu cầu cần thiết phải có sự phân công lành mạnh và duy trì những

Bảng 1

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện			Ghi chú
	KTKSNB Hội sở	KTKSNB Chi nhánh	KTNB	
1- Kiểm tra tính tuân thủ toàn bộ hoạt động nghiệp vụ tại Hội sở chính.	X		X	KTNB kiểm tra chọn mẫu một số đơn vị thực hiện (có trùng lặp)
2- Kiểm tra tính tuân thủ nghiệp vụ tín dụng, đầu tư, mua sắm, kế toán toàn bộ các chi nhánh.	X	X	X	KTNB kiểm tra chọn mẫu một số đơn vị thực hiện (có trùng lặp)
3- Kiểm tra hoạt động quản lý (các đơn vị phòng ban), nội quy lao động cho toàn bộ các đơn vị từ hội sở đến các chi nhánh.	X	X		KTKSNB Hội sở kiểm tra tại hội sở, KTKSNB chi nhánh kiểm tra tại chi nhánh
4- Giám sát việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị của HDQT tại ngân hàng.			X	Công việc văn phòng công ty cùng thực hiện.
5- Kiểm tra tình hình thực hiện khắc phục các kiến nghị của nghị quyết, chỉ thị của thanh tra NHNN, HDQT,...;	X	X	X	Cả ba cấp đơn vị đều thực hiện (có trùng lặp)
6. Kiểm tra toàn diện các đơn vị thành viên và đơn vị khác	X		X	KTNB kiểm tra theo kế hoạch, KTKSNB kiểm tra lại theo yêu cầu HDQT, TGD (có trùng lặp).
7. Thực hiện giám sát hoạt động các chi nhánh trên toàn hệ thống, kiểm tra công tác trích lập dự phòng tín dụng và đầu tư.	X		X	Cả hai cấp đơn vị đều thực hiện (có trùng lặp)
8. Tiếp các đoàn kiểm tra: Thanh tra NHNN, KTNN.				KTNB phối hợp thực hiện.
9. Đầu mối tổng hợp các báo cáo gửi thanh tra NHNN, KTNN.				
10. Thực hiện công tác ISO.				
11. Kiểm tra nội quy lao động.				
12. Kiểm tra công tác quản lý các đơn vị tại hội sở.	X			KTKSNB chỉ kiểm tra chứng từ kế toán (có trùng lặp).
13. Kiểm tra theo chỉ đạo của TGD.				
14. Kiểm tra chứng từ kế toán, thẩm định và kiểm toán BCTC hàng quý;	X		X	KTNB thực hiện.
15. Giám sát và cảnh báo rủi ro đối với các hoạt động nghiệp vụ			X	KTNB mới chỉ thực hiện được các Phòng giao dịch tại Hội sở, các chi nhánh.
16. Giám sát, đánh giá tính hiệu quả các đơn vị.			X	
17. Thực hiện các cuộc kiểm toán đột xuất theo yêu cầu của HDQT	X		X	Cả hai đơn vị phối hợp thực hiện.
18. Đánh giá hệ thống KSNB toàn ngân hàng			X	KTNB thực hiện.
19. Giám sát hoạt động quản lý, đánh giá hệ thống quy trình quy chế.	X		X	KTKSNB kiểm soát chất lượng quy trình quy chế được ban hành, KTNB thực hiện giám sát hoạt động.

Chú thích: X- Có thực hiện

Nguồn: Tổng hợp từ các phiếu khảo sát tại 36 NHTM cổ phần của Việt Nam năm 2015.

hiểu biết, nhận thức sâu sắc về vai trò của hoạt động kiểm soát trong các lĩnh vực kinh doanh.

- Nhận biết và đánh giá chưa đầy đủ về những rủi ro của hoạt động kinh doanh hiện tại của TCTD, dù là nội hay ngoại bảng tổng kết tài sản. Rất nhiều TCTD mà đã phải gánh chịu những tổn thất nặng, do sao lãng trong việc nhận diện và đánh giá rủi ro của các sản phẩm và các hoạt động kinh doanh mới. Khi có những thay đổi lớn trong môi trường và điều kiện kinh doanh, đã không chú trọng đúng mức vào việc đánh giá và dự báo những rủi ro có thể xảy ra. Rất nhiều trường hợp gần đây, đã thể hiện một thực tế là, các hệ thống kiểm soát tuy đã tỏ ra có hiệu quả với các sản phẩm truyền thống đơn giản, nhưng lại không hiệu quả với những sản phẩm phức tạp hay tính vi hơn.

- Sự khiếm khuyết, yếu kém của những hoạt động, định chế hay tổ chức trọng yếu, ví dụ như việc phân định trách nhiệm, thẩm quyền xét duyệt, thẩm tra và giám sát tình hình kinh doanh. Trong đó, việc thiếu sự phân định trách nhiệm thường là nguyên nhân chính gây ra những tổn thất nghiêm trọng cho ngân hàng.

- Sự truyền tải thông tin không đầy đủ giữa các cấp quản lý trong TCTD, đặc biệt là những thông tin từ dưới lên. Để có hiệu quả, các chủ trương, chỉ đạo, chính sách và quy trình nghiệp vụ phải được truyền đạt tới tất cả các cá nhân có liên quan. Tổn thất đã xảy ra khi cá nhân có liên quan, đã không nhận thức một cách đầy đủ hay không hiểu được các chính sách, quy trình nghiệp vụ của TCTD. Trong một số trường hợp, thông tin về những bất hợp lý trong tổ chức hoạt động, phải được báo cáo lên các cấp quản lý cao hơn đã không được thông báo tới BDH hay HĐQT, cho tới khi vấn đề đã trở nên nghiêm trọng. Trong một số trường hợp khác, các báo cáo quản lý không chính xác hay không được hoàn chỉnh, cũng là nguyên nhân đã tạo ra tổn thất nặng nề trong kinh doanh.

- Các hoạt động kiểm toán hay các hoạt động giám sát thiếu đầy đủ hay không hiệu quả.

Trong rất nhiều trường hợp, kiểm toán đã không đủ khắt khe trong việc nhân định và báo cáo đầy đủ về các khiếm khuyết trong khâu giám sát của ngân hàng hoặc có khi các KTV đã phát hiện và báo cáo nhưng không hề có một cơ chế có sẵn, để đảm bảo sẽ khắc phục những khiếm khuyết đã chỉ ra sẽ được khắc phục.

Các điển hình trên đây, có thể được sử dụng như là những căn cứ (bài học kinh nghiệm) để nhìn nhận và những vấn đề bất hợp lý, trong tổ chức và hoạt động của hệ thống giám sát nội bộ tại các ngân hàng nói chung, cũng như hệ thống KTKSNB và KTNB bao gồm cả BKS và HĐQT.

Những vấn đề bất hợp lý hay khó khăn hiện tại trong thực tế tổ chức và hoạt động của KTKSNB và KTNB của các ngân hàng, đều chứa đựng những nguyên nhân có thể gây nên những tổn thất hay ảnh hưởng tiêu cực, tới kết quả hoạt động tại ngân hàng như những trường hợp điển hình mà Ủy ban Basel đã tổng kết. Có thể tổng hợp những điểm bất hợp lý trong tổ chức và hoạt động KTKSNB và KTNB tại ngân hàng hiện nay như sau:

- Nguyên nhân đầu tiên gây ra những khó khăn, vướng mắc là những điểm bất hợp lý về quy chế, quy định,... các chức năng/nhiệm vụ bộ phận (như đã trình bày ở trên).

Cụ thể, chức năng KTKSNB là một phần trong quy trình tác nghiệp thuộc hệ điều hành tại ngân hàng. Do đó, chức năng KTKSNB đã không được thực hiện một cách độc lập và khách quan, một yêu cầu quan trọng nhất đảm bảo hiệu quả của hoạt động KTKSNB.

- BKS được Đại hội cổ đông bầu ra, với tư cách là bộ phận có thẩm quyền giám sát cao nhất lại không có công cụ thực hiện, dẫn đến hiệu quả hoạt động còn thấp hoặc chỉ mang tính hình thức.

- Nhiều nội dung công việc, chức

năng nhiệm vụ giữa BKS, KTNB và phòng KTKSNB còn trùng lặp. Trong khi đó, hai bộ phận này lại bỏ sót một số mảng hoạt động quan trọng thuộc nhiệm vụ của mình, nhất là nhiệm vụ phát hiện, phòng chống rủi ro trong các quy trình nghiệp vụ tại ngân hàng và tư vấn chiến lược cho ban lãnh đạo.

- Hệ thống các phòng/tổ KTKSNB là những bộ phận chưa độc lập về chuyên môn, năng lực yếu, thiếu sự liên hệ trong công tác, một số chi nhánh, cán bộ KTKSNB làm công tác kiêm nhiệm. Các phòng/tổ KTKSNB chủ yếu chỉ phục vụ cho nhu cầu điều hành, quản lý của giám đốc chi nhánh chứ không phải là công cụ KTKSNB hiệu quả mang tính hệ thống của TGD với các chi nhánh.

- Hệ thống các phòng/tổ KTKSNB tại các chi nhánh đều trực thuộc Giám đốc chi nhánh trong khi toàn bộ hoạt động và tổ chức điều hành là đối tượng của kiểm tra KTNB.

Điều này đã làm giảm tính độc lập, khách quan của KTKSNB, cũng do nguyên nhân trên nên KTKSNB không thể thực hiện chức năng kiểm toán tổng thể hoạt động trong đó, gồm cả việc xem xét hiệu quả hoạt động của BDH một cách khách quan vì bộ phận này trực thuộc TGD.

- Hiệu lực hoạt động của hệ thống KTKSNB, KTNB và BKS, HĐQT còn thấp, ngoài các nguyên nhân khách quan về cơ chế, chính sách còn là do nguyên nhân về năng lực chuyên môn và kinh nghiệm công tác, đặc biệt là nhận thức và các kỹ năng về kiểm tra, kiểm toán của các cán bộ trong hệ thống các phòng/ban KTKSNB và BKS còn chưa đáp ứng được những đòi hỏi về chuyên môn của chức năng kiểm toán nội bộ.

- Hệ thống thông tin phục vụ quản lý tại các ngân hàng còn nhiều điểm bất hợp lý. Hoạt động báo cáo và thông tin giữa các cấp tại các ngân hàng còn mang nặng tính thủ công, không thuận tiện và tốn nhiều thời gian, chi phí. Hơn thế, mặc dù hạ tầng mạng của các ngân hàng đã cho phép

về mặt kỹ thuật việc thực hiện giám sát và truy suất các thông tin từ cơ sở dữ liệu toàn hệ thống. Tuy nhiên, phòng/ban KTKSNB, KTNB và BKS, HĐQT vẫn chưa tiếp cận được các thông tin từ cơ sở dữ liệu này nhằm phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát của mình. Do vậy, chưa đưa ra được những nhận xét về việc thực hiện các kế hoạch đề ra của các phòng ban, bộ phận, chi nhánh, đánh giá chính xác về mức độ an toàn và hiệu quả hoạt động của toàn hệ thống nói chung và từng chi nhánh nói riêng, để tư vấn cho ban lãnh đạo.

- Hiện nay, còn nhiều quy trình nghiệp vụ quan trọng vẫn chưa được ban hành hoặc đã có nhưng chưa đầy đủ và bao quát hết được các bước thực hiện của từng nghiệp vụ cụ thể. Điều này đã gây khó khăn cho BKS và các phòng KTKSNB trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình vì các bộ phận này không có cơ sở chính thức để đánh giá tính tuân thủ cũng như

hiệu quả của nhiều hoạt động, nghiệp vụ tại ngân hàng.

- Hiện tại, công tác kiểm tra chủ yếu là sử dụng phương pháp kiểm toán tuân thủ và kiểm toán chi tiết, với các công cụ và phương tiện thủ công, lại chỉ chú trọng vào các sự việc, các kết quả đã xảy ra, không tiếp cận một cách hệ thống và tổng thể trên cơ sở định hướng rủi ro nhằm phát hiện các rủi ro tiềm ẩn hay những điểm yếu trong quy trình để có những đề xuất, kiến nghị sửa đổi, khắc phục. Hơn nữa, nếu chỉ đi vào chi tiết thì khối lượng công việc tăng nhanh, bộ phận KTKSNB sẽ bị quá tải không thể đảm đương được nhiệm vụ của mình.

Tóm lại: Hoạt động công tác KTKSNB và KTNB tại các NHTM của Việt Nam tuy đã đạt được những kết quả thành tựu bước đầu nhưng vẫn còn nhiều điểm bất hợp lý, thiếu khoa học dẫn đến hiệu lực và hiệu quả hoạt động còn thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu giám sát và tư vấn quản lý cho ngân

hàng, trong điều kiện ngân hàng đang đứng trước thử thách hội nhập với khu vực và thế giới. Việc đổi mới toàn diện hoạt động KTKSNB và KTNB tại ngân hàng là một nhu cầu tất yếu và mang tính chiến lược do đòi hỏi của chính thực tiễn hoạt động kinh doanh, điều hành và quản lý ngân hàng. ■

Tài liệu tham khảo

- Luật NHNN sửa đổi số 46/2010/QH12.
- Luật số 47/2010/QH12 quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động và kiểm soát các tổ chức tín dụng.
- Thông tư 44/2011/TT-NHNN ngày 29/12/2011.
- Quyết định số 36/2006/QĐ-NHNN ngày 01/08/2006 về quy chế KTKSNB các tổ chức tín dụng.
- Quyết định số 37/2006/QĐ-NHNN ngày 01/08/2006 của Thống đốc NHNN về quy chế KTNB của tổ chức tín dụng.
- Robert Moeller (2009), Brinks Modern Internal Auditing - A Common Body of Knowledge, 7 ed., John Wiley & Sons, Inc.

(Tiếp theo trang 51)

tác kế toán được thường xuyên liên tục và chỉ nên bố trí một nhân viên kế toán. Đồng thời, tiến hành thuê DVKT làm báo cáo thuế và BCTC, lựa chọn gói DVKT thuế.

(3) Mô hình thuê ngoài DVKT

Đối với những DN siêu nhỏ, DN thương mại, đặc biệt các DN mới thành lập nên thuê ngoài toàn bộ công tác kế toán vì với nội dung công việc sẽ đảm bảo tiết kiệm chi phí mà vẫn đảm bảo đáp ứng đòi hỏi của DN. Tuy nhiên, khi tiến hành thuê ngoài DVKT cung cấp thông tin cho DN nên chú ý đến các nội dung sau:

Một là: Lựa chọn nhà cung cấp DVKT:

DN nên thuê từ các công ty DVKT bởi họ có tư cách pháp nhân có trình độ sẽ đem lại chất lượng cho công tác kế toán cho DN. DN nên lựa chọn kỹ lưỡng các công ty DVKT có uy tín và có kinh nghiệm trong hoạt động

DVKT. Hiện nay, có rất nhiều đơn vị tham gia hoạt động trong lĩnh vực DVKT tài chính song không phải đơn vị nào cũng đảm bảo chất lượng công tác kế toán cho khách hàng.

Hai là: Quy trình thuê DVKT:

Khi thực hiện thuê ngoài DVKT DN nên thực hiện đúng quy trình ký kết hợp đồng, để ràng buộc trách nhiệm của các công ty DVKT trong việc cung cấp thông tin kế toán. Hợp đồng ký kết phải thể hiện rõ các điều khoản cung cấp thông tin đúng thời hạn, đảm bảo chất lượng và tính bảo mật của thông tin, bởi thông tin kế toán yêu cầu phải chính xác, thường xuyên và liên tục, các báo cáo yêu cầu phải được nộp cho cơ quan chức năng đúng thời hạn.

Ba là: Triển khai thực hiện thuê DVKT:

Trong quá trình thực hiện việc thuê DVKT, DN phải thận trọng trong khâu giao nhận chứng từ, báo cáo cần có biên bản bàn giao để tránh mất tài liệu kế toán và giúp công tác lưu trữ được đảm bảo an toàn đúng quy định

Kết luận

DNNVV với những đặc thù riêng vì vậy việc lựa chọn mô hình tổ chức BMKT có ý nghĩa vô cùng to lớn trong công tác quản trị DN. Loại DN vừa, DN sản xuất lựa chọn mô hình tổ chức BMKT, DN nhỏ, DN vừa sản xuất vừa kinh doanh thương mại với mô hình hỗn hợp, còn DN siêu nhỏ, DN thương mại lựa chọn mô hình thuê ngoài DVKT là hoàn toàn phù hợp với quy mô vốn và đặc điểm SXKD của DN. ■

Tài liệu tham khảo

- 1. Luật Kế toán số 88/2015/QH13
- 2. Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009 về trợ giúp phát triển DNNVV
- 3. Phạm Khắc Bình (2015), bài viết "nâng cao năng lực DN nhỏ và vừa" cập nhật 13/9/2015, <http://enternews.vn/nang-cao-nang-luc-doanh-nghiep-nho-va-vua.html>
- 4. Phạm Thị Minh Nghĩa. Thực trạng và giải pháp phát triển có hiệu quả DNNVV trên địa bàn Thành phố Hà Nội đến năm 2020. Chuyên mục tin tức sự kiện, Trung tâm hỗ trợ DNNVV Hà Nội ngày 13/10/2015.